

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 31 – 3 – 2022  
V/v tranh chấp ly hôn,  
nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Xuân Nữ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Văn Khon

Bà Võ Thị Tuyết Trinh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11/3/2022 và 31/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Phan Văn Bé T, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 190, ấp B, xã P, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Phan Văn Bé T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu, chị H và anh T chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến chị H và con chung mà còn tham gia cờ bạc dẫn đến thiếu nợ, chị H phải buôn bán kiếm tiền chăm lo cho cuộc sống gia đình và trả nợ thay cho anh T. Từ đó khiến chị cảm thấy cuộc sống giữa chị và anh T không hạnh phúc và mệt mỏi, tình cảm giữa chị với anh T dần phai nhạt. Chị H và anh T không còn sống chung từ năm 2018 đến nay.

Nay chị Nguyễn Thị Kim H nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên chị yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn Bé T.

*Về con chung:* Quá trình chung sống, chị H và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Trí A, sinh ngày 14/3/2006. Hiện nay, cháu Trí A đang sống chung với chị H. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trí A, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Phan Văn Bé T trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Phan Văn Bé T không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim H.

*Về con chung:* Chị H và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Trí A, sinh ngày 14/3/2006. Hiện nay, cháu Trí A đang sống chung với chị H. Sau khi ly hôn, anh T đồng ý giao con chung Nguyễn Trí A cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng và anh không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Anh T yêu cầu chị H chia cho anh T được nhận 1/2 giá trị tài sản chung của anh chị, thành tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

*Về nợ chung:* Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

*Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn anh Phan Văn Bé T chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự như vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cần phê phán rút kinh nghiệm.

*Việc giải quyết vụ án:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim H và anh Phan Văn Bé T.

*Về con chung:* Tiếp tục giao cháu Nguyễn Trí A, sinh ngày 14/3/2006 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không có yêu cầu.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Phan Văn Bé T có địa chỉ tại xã P, huyện B, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Phan Văn Bé T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Phan Văn Bé T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, nhưng đến nay anh chị không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống với nhau, thời gian đầu anh chị chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa, chị H kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh T vì cho rằng không còn tình cảm, cả hai không hàn gắn tình cảm lại được; đối với anh T, anh trình bày ý kiến không đồng ý ly hôn với chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh T có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kinh tế của gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, anh T không chăm lo làm ăn để cùng chị H xây dựng hạnh phúc gia đình mà còn gây nợ nần khiến cuộc sống của cả hai trở nên mệt mỏi, từ đó làm cho tình cảm giữa anh chị phai nhạt, đời sống chung không được hạnh phúc, tuy sống xa nhau khoảng thời gian dài nhưng đến nay anh chị không có biện pháp hàn gắn tình cảm, mỗi người có cuộc sống riêng. Do chị H và anh T không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.1] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Phan Văn Bé T có 01 con chung tên Nguyễn Trí A, sinh ngày 14/3/2006. Hiện nay, cháu Trí A đang sống với chị H. Tại phiên tòa, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trí A; đối với anh T, anh trình bày ý kiến đồng ý giao con chung Trí A cho chị H

tiếp tục nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Trí A sống với chị H đã ổn định, phát triển tốt về mọi mặt và điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu tại Văn bản ghi ý kiến ngày 20/01/2022. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trí A, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T trình bày ý kiến không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, về tài sản chung chị H trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với yêu cầu của anh T là được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung là 50.000.000 đồng, do anh T không nộp tiền tạm ứng án phí để Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu phản tố của anh T theo quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp thì anh T có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim H.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim H và anh Phan Văn Bé T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim H được trực tiếp nuôi con chung tên Phan Trí A, sinh ngày 14/3/2006. Hiện cháu Trí A đang sống chung với chị H. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

Chị H và anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh T có yêu cầu nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí để Tòa án thụ lý giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001289 ngày 09/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; như vậy chị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Xuân Nữ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Ngô Văn Khon – Võ Thị Tuyết Trinh**

**Trần Xuân Nữ**









